TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HSST
Ngày 04 - 4 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Thành Luân.

Bà Đỗ Thị A.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18.1/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/Bùi Vũ Hoàng T; sinh năm: 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: đường P, Phường A, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; trú tại: /(sống lang thang); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Vũ T (chết) và bà: Phạm Thị Mỹ T; tiền án: 01 (ngày 30/5/2014 bị Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo bản án số 78/2014/HSST); tiền sự: không; nhân thân: ngày 18/11/2010 bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo bản án số 158/2010/HSST; bị bắt giữ ngày: 12/02/2018, tạm giữ ngày: 12/02/2018, bị tạm giam ngày: 12/02/2018.

2/Lâm Văn T1; sinh năm: 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: đường B, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lâm Văn V và bà: Phạm Thị Ngọc H; có vợ: Lê Hà Tuyết N và 02 con (lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm

2016); tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 09/9/2009 bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm 09 tháng tù về tội "Cướp tài sản" theo bản án số 137/2009/HSST; bị bắt giữ ngày: 24/7/2017, tạm giữ ngày: 24/7/2017, bị tạm giam ngày: 27/7/2017.

(Các bị cáo có mặt).

- *Bị hại:*

Bà Thái Thị M – Sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Thường trú: ấp L, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Trú tại: đường B, Phường C, Quận X, TP.HCM.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Phạm Thị Mỹ T – Sinh năm: 1963 (có mặt).

Thường trú: đường P, Phường A, Quận X, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 ngày 24/7/2017, Bùi Vũ Hoàng T và Lâm Văn T1 gặp nhau tại tiệm Internet "Ngôi sao"; tại đây, T rủ T1 đi cướp giật tài sản để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, T1 đồng ý; T điều khiển xe mô tô biển số 59U1-748.74 chở T1 chạy đến trước nhà số 285/125/2 đường Cách mạng tháng 8, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh thì nhìn thấy bà Thái Thị M đang đi bộ, trên cổ có đeo 01 sợi dây chuyền vàng, T nói T1 giật sợi dây chuyền của bà M, T1 đồng ý; T liền điều khiển xe mô tô áp sát vào bà M, để T1 ngồi sau dùng tay phải giật sợi dây chuyền của bà M; sau đó T điều khiển xe chở T1 bỏ chạy; ngay lúc này, bà M liền tri hô và cùng quần chúng nhân dân bắt giữ được T1 cùng vật chứng, phương tiện, riêng T đã bỏ chạy bộ tẩu thoát; quần chúng nhân dân đã giải giao T1 đến Công an Phường 12, Quận 10 lập hồ sơ ban đầu; sau đó chuyển đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra làm rõ.

Qua truy xét, đến ngày 12/02/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã tiến hành bắt khẩn cấp đối với Bùi Vũ Hoàng T; quyết định khởi tố và điều tra đối với Bùi Vũ Hoàng T, Lâm Văn T1 về hành vi "Cướp giật tài sản".

Tài sản bị chiếm đoạt là 01 sợi dây chuyền vàng dài khoảng 60 cm và có gắn 01 mặt kim loại màu vàng, đã được thu hồi và giao trả lại tài sản cho bị hại Thái Thị M; theo bà M sợi dây chuyền trên mua vào năm 2015 với giá 4.000.000 đồng. Nhận lại tài sản, bà M không có yêu cầu gì khác.

Đối với 01 chiếc xe môtô biển số 59U1-748.74, qua xác minh biển số xe thì bà Phạm Thị Mỹ T (mẹ của bị cáo T) là người đứng tên giấy đăng ký xe; ngày 24/7/2017, T mượn xe đi chơi, sau đó sử dụng làm phương tiện cùng đồng bọn thực hiện hành vi "Cướp giật tài sản", bà T không biết; Công an Quận 10 đã tạm giữ lại.

Tại bản cáo trạng số 07/1/CT-VKS ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Bùi Vũ Hoàng T về tội: "Cướp giật tài sản" theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

- Lâm Văn T1 về tội: "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo Bùi Vũ Hoàng T, Lâm Văn T1 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án; về phía bà Phạm Thị Mỹ T vẫn giữ nguyên lời khai của mình và yêu cầu được nhận lại chiếc xe môtô biển số 59U1-748.74.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Bùi Vũ Hoàng T, Lâm Văn T1 đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, bị hại, sau khi nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại) và nhân thân của từng bị cáo; đã đề nghị áp dụng điểm d, i khoản 2, 5 Điều 171; điểm s, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tương ứng đối với từng bị cáo; xử phạt bị cáo: Bùi Vũ Hoàng T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, , Lâm Văn T1 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, đồng thời phạt bổ sung đối với các bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và giao trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì; do vậy không có gì để Tòa giải quyết.

Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 59U1-748.74 (loại xe: Hai bánh, nhãn hiệu: Sufat, số loại: C100, màu sơn: Xanh, dung tích xi lanh: 97 cm3, số khung: VPJDCG013PJ028687, số máy: VPJL1P50FMG-027907); qua xác minh chủ sở hữu là bà Phạm Thị Mỹ T (mẹ bị cáo T), bà Phạm Thị Mỹ T không biết T sử dụng chiếc xe làm phương tiện thực hiện hành cướp giật tài sản; do vậy căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017), đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe trên cho bà Phạm Thị Mỹ T.

- Ý kiến của các bị cáo: không có gì tranh luận.

- Ý kiến của bà Thúy: không có ý kiến gì.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận

10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Vũ Hoàng T, Lâm Văn T và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Vũ Hoàng T, Lâm Văn T1 và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của các bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản nhận dạng, vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định các bị cáo Bùi Vũ Hoàng T, Lâm Văn T phạm tội "Cướp giật tài sản".

Các bị cáo đã có hành vi cùng đồng bọn dùng thủ đoạn nguy hiểm là sử dụng xe môtô có phân khối lớn, lợi dụng sự sơ hở của người khác mà nhanh chóng công khai cướp giật tài sản của bị hại ngay trên đường phố, nên các bị cáo bị truy tố về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) và thuộc trường quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); xét thấy tội danh "Cướp giật tài sản" quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) không có những quy định có lợi đối với các bị cáo so với quy định Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và hành vi của bị cáo thực hiện trước 00 giờ 00 ngày 01/01/2018; do vậy các bị cáo bị xét xử tương ứng theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

[4] Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Trong vụ án này, bị cáo T là người khởi xướng, cung cấp phương tiện chở đồng bọn chiếm đoạt tài sản và tẩu thoát, đối với bị cáo T1 là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản; ngoài ra bản thân các bị cáo có đặc điểm nhân thân, cụ thể: đối với

bị cáo T1: ngày 09/9/2009 bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm 09 tháng tù về tội "Cướp tài sản" (đã được xóa án tích); đối với bị cáo T: ngày 18/11/2010 bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" (đã được xóa án tích); ngày 30/5/2014 bị Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" như vậy bị cáo đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, nhưng chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017), nên bị cáo T bị xét xử thêm một tình tiết định khung nữa quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009). Do vậy dù có chiếu cố đến đâu đi nữa, thì hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương; ngoài ra áp dụng khoản 5 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) phạt bổ sung bị cáo T một số tiền sung quỹ Nhà nước.

[5] Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) giảm nhẹ một phần hình phạt cho từng bị cáo; đồng thời miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T1.

[6] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và giao trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì; do vậy không có gì để Tòa giải quyết.

Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 59U1-748.74 (loại xe: Hai bánh, nhãn hiệu: Sufat, số loại: C100, màu sơn: Xanh, dung tích xi lanh: 97 cm3, số khung: VPJDCG013PJ028687, số máy: VPJL1P50FMG-027907); qua xác minh chủ sở hữu là bà Phạm Thị Mỹ T (mẹ bị cáo T), bà T không biết T sử dụng chiếc xe làm phương tiện thực hiện hành cướp giật tài sản; do vậy căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) trả lại chiếc xe trên cho bà Phạm Thị Mỹ T.

Về án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: các bị cáo Bùi Vũ Hoàng T, Lâm Văn T1 phạm tội "Cướp giật tài sản".

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 7; khoản 2 Điều 53; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm c, d khoản 2, 5 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Bùi Vũ Hoàng T;

Xử phạt bị cáo Bùi Vũ Hoàng T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/02/2018.

Phạt bổ sung bị cáo T 10.000.000 (mười triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 7; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Lâm Văn T;

Xử phạt bị cáo Lâm Văn T1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2017.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T1.

- Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017), trả lại bà Phạm Thị Mỹ T: 01 chiếc xe mô tô biển số 59U1-748.74 (loại xe: Hai bánh, nhãn hiệu: Sufat, số loại: C100, màu sơn: Xanh, dung tích xi lanh: 97 cm3, số khung: VPJDCG013PJ028687, số máy: VPJL1P50FMG-027907).

(Tình trạng vật chứng, tài sản theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/01/2018 giữa Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc:

- Bị cáo T chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.
- Bị cáo T1 chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thị hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày tuyên án, đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Công an Q.10, PC.53;
- Chi cục THADS Q.10;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Triệu Luật